**TUẦN 23**

Ngày soạn:18/2/25

Ngày dạy:20/2/25

# Tiết 63-64: HỖN SỐ

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Biến đổi hỗn số ra phân số và ngược lại

- Thực hiện được các bước so sánh và tính toán với hỗn số

- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, mô hình hoá toán học

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Sgk, giáo án, máy chiếu

**2. Đối với học sinh:** vở ghi, sgk, đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*: Trong tiết học ngày học ngày hôm nay cô sẽ giới thiệu với các em về hỗn số. Hỗn số là gì? Cách đọc và viết hỗn số như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu qua tiết học ngày hôm nay.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Hỗn số**

**a. Mục tiêu**: Khái niệm hỗn số, cách viết hỗn số

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**- GV cho HS thực hiện HĐKP1, sau đó giới thiệu thuật ngữ hỗn số trong tình huống trong khám phá và giới thiệu hỗn số như SGK- GV dẫn dắt HS cùng xây dựng ví dụ để hình dung cách hình thành hỗn số từ phép chia có dư số tự nhiên cho số tự nhiên - GV nói thêm: coi phân số như là thương của phép chia nên từ đây cũng biết cách chuyển phân số (nếu được) thành hỗn số. Giới thiệu các thuật ngữ phần số nguyên và phần phân số của hỗn số- GV cho HS thực hiện Thực hành 1 và HS phát biểu về phần số nguyên và phần phân số của hỗn số.**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**+ HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.+ GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**+ GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi. + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 1:**Giải:a)  Người bán đã lấy đúng b) 11 phần bánh được lấy hai đĩa và 3 phần là đúng**Thực hành 1:** Giải: $\frac{11 }{2} $= 5$\frac{1}{2}$Số nguyên: 2Phần phân số: $\frac{1}{2}$ |

**Hoạt động 2: Đổi hỗn số ra phân số**

**a. Mục tiêu**: HS biết cách đổi hỗn số và phân số

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**- GV tổ chức, dẫn dắt HS theo gợi ‎y từ SGK- GV có thể cho HS thực hành (bổ sung) để củng cố ban đầu cách đổi hỗn số thành phân số- GV dẫn dắt HS thực hiện Ví dụ 2 (thực chất giải bài toán so sánh một hỗn số với một phân số. HS cần được dẫn dắt để xác định hướng: chuyển hỗn số ra phân số vì đã biết so sánh các phân số.- GV cho HS tự thực hiện Thực hành 2 (GV hỗ trợ: gợi ‎ thực hiện tính theo cách nào)- Thông qua ví dụ và thực hành trên, GV nên cho HS thảo luận về cách thực hiện so sánh, tính toán khi gặp phân số và hỗn số (đổi hỗn số ra phân số để thực hiện)**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**+ HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.+ GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**+ GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi. + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Thực hành 2:**Giải:($\frac{5}{-4}$ + 3$\frac{1}{3}$ ) : $\frac{10}{9}$ = ($\frac{5}{-4}$ + $\frac{10}{3}$) : $\frac{10}{9}$ = ($\frac{-5.3}{4.3}+ \frac{10.4}{3.4}$) : $\frac{10}{9}$ = $\frac{-25}{12}$ : $\frac{10}{9}$ = $\frac{-25}{12}$ . $\frac{9}{10}$= $\frac{15}{8}$ |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 1, 2, 3

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1:** Dùng hỗn số viết thời gian ở đồng hồ trong các hình vẽ sau:https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_1131.jpg?itok=SUo7oTsx Thời gian ở Hình a có thể viết là 2$ \frac{1}{3}$ giờ hoặc 14 $\frac{20}{60}$ giờ được không?**Câu 2:** Sắp xếp các khối lượng sau theo thứ tự từ lớn đến nhỏ3$ \frac{3}{4}$ tạ; $\frac{377}{100}$ tạ; $\frac{7}{2} $tạ; 3$ \frac{45}{100}$ ; 365 kg**Câu 3:**  | **Câu 1:**Hình a: 2 $\frac{1}{3}$Hình b: 5 $\frac{5}{6}$Hình c: 6 $\frac{1}{6}$Hình d: 9 $\frac{1}{2}$**Câu 2:**Các khối lượng theo thứ tự từ lớn đến nhỏ:$\frac{377}{100}$ tạ, 3$ \frac{3}{4}$ tạ, 365 kg, $\frac{7}{2}$ tạ, 3$ \frac{45}{100}$**Câu 3:** a. 1$ \frac{25}{100}$ m2b. $\frac{109}{5000}$ m2c. 2$ \frac{40}{100}$ m2d. $\frac{17}{5000}$ m2Nếu viết chúng theo đề xi mét vuông:a. $\frac{125}{1}$ dm2b. 2$ \frac{18}{100}$ dm2c. $\frac{240}{1}$ dm2d. $\frac{34}{100}$ dm2 |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 4

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 4:** Hai xe ô tô cùng đi được quãng đường 100 km xe taxi chạy trong $ \frac{1}{5}$ giờ và xe tải chạy trong 70 phút. So sánh vận tốc hai xe | **Câu 4:** Đổi 70 phút = 1 $\frac{1}{6}$ giờVận tốc của xe taxi là:100 : 1 $\frac{1}{5} $*= 100 :* $\frac{6}{5}$ *= 83* $\frac{1}{3}$ *(km/h)**Vận tốc của xe taxi là:**100 : 1*$\frac{ 1}{6}$ *= 85*$ \frac{5}{7}$ *(km/h)**Ta có: 85* $\frac{5}{7}$ *> 83*$\frac{1}{3}$ *nên vận tốc của xe taxi lớn hơn*  |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |   |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học  | Kiểm tra viết  | Thang đo, bảng kiểm  |   |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |   |